

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 235/2020/HS-PT
Ngày: 18/5/2020

**NHÂN D
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Huân.

Các Thẩm phán: 1. Ông Huỳnh Văn Trực
2. Ông Nguyễn Tuấn Anh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Thuận- Kiểm sát viên.

Ngày 18/5/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 167/2020/TLPT-HS ngày 07/4/2020 đối với bị cáo Trần Thanh D do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 08/2020/HS-ST ngày 20/02/2020 của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Trần Thanh D**; giới tính: nam; sinh ngày 14/11/1993 tại tỉnh H; nơi đăng ký thường trú: ấp TH, thị trấn BT, huyện PH, tỉnh H; nghề nghiệp: thợ hồ; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: (không); quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn L và bà Trương Thị B; có vợ và 01 con sinh năm 2014;

Tiền án, tiền sự: (không);

Bắt, tạm giữ: 29/9/2019;

Thay đổi biện pháp tạm giữ bằng cấm đi khỏi nơi cư trú: 30/9/2019;

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 28/9/2019, ông Hồ Quang N đến Công an Phường 6, Quận S trình báo việc bị mất 01 túi xách màu đen bên trong có 20 tờ tiền mệnh giá 100 đô la Mỹ, 01 tờ tiền mệnh giá 50 EURO, 01 tờ tiền mệnh giá 50 đô la Singapore, 02 tờ tiền mệnh giá 02 đô la Mỹ.

Qua truy xét, Công an Phường 6, Quận S, Thành phố M đã mời Trần Thanh D đến trụ sở Công an Phường 6, Quận S, Thành phố M để làm việc và D đã thừa nhận là người trộm cắp tài sản của ông N.

Kết quả điều tra, xác định được như sau:

Bị cáo Trần Thanh D và ông Nguyễn Văn C là những người được ông Hồ Quang N thuê sửa chữa căn nhà số 01 Bis đường H, Phường 6, Quận S, Thành phố M. Vào khoảng 07 giờ ngày 24/9/2019, trong lúc tháo dỡ tủ gỗ trong phòng của ông N ở lầu 3, D phát hiện dưới gầm tủ có 01 túi xách màu đen hiệu Bayer (kích thước 20x30cm) và mở ra xem thì thấy bên trong có 20 tờ tiền mệnh giá 100 đô la Mỹ, 01 tờ tiền mệnh giá 50 EURO, 01 tờ tiền mệnh giá 50 đô la Singapore, 02 tờ tiền mệnh giá 02 đô la Mỹ và 02 đĩa nhạc. D lấy số ngoại tệ đã nêu và giấu trong túi quần đang mặc, còn túi xách và 02 đĩa nhạc thì D để lại chỗ cũ rồi tiếp tục làm việc. Buổi chiều cùng ngày, D đem bán số ngoại tệ đã nêu với giá 45.000.000đ. D dùng số tiền đã nêu trả nợ cho bà Trần Thị Thanh Q 3.000.000đ, tiêu xài và mua đồ chơi cho con hết 3.000.000đ, gửi về quê cho vợ là bà Huỳnh Kiều T 2.000.000đ, gửi 37.000.000đ cho bà Trương Thị B (mẹ của D cất giữ dùm).

Tại văn bản 1784/TCKH ngày 16/10/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Quận 6 thống nhất giá như sau:

- + 20 tờ tiền mệnh giá 100 USD, có giá là: 46.220.000đ;
- + 01 tờ tiền mệnh giá 50 EUR, có giá là 1.263.000đ;
- + 01 tờ tiền mệnh giá 50 đô la Singapore, có giá là 830.000đ;
- + 02 tờ tiền mệnh giá 2 USD, có giá là 92.000đ.

Riêng ông Nguyễn Văn C không liên đến hành vi phạm tội của Trần Thanh D.

Bị cáo khai rằng bị cáo đã bán số ngoại tệ trộm cắp được cho bà Nguyễn Thị Ngọc A - Chủ Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng Trúc Đ nhưng bà A không thừa nhận. Ngoài lời khai của bị cáo, không còn chứng cứ nào khác nên không có đủ căn cứ để xử lý đối với bà A.

Bà Huỳnh Kiều T, bà Trương Thị B và bà Trần Thị Thanh Q là những người có hành vi nhận tiền do D đưa nhưng đều không biết là tiền do D phạm tội mà có nên không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Ông Nguyễn Văn C không biết hành vi phạm tội của bị cáo.

Trong quá trình điều tra, bà Trương Thị B giao nộp cho Cơ quan điều tra 37.000.000đ, bà Trần Thị Thanh Q giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 3.000.000đ. Toàn bộ số tiền vừa nêu đã được giao trả cho ông N. Ngoài số tiền đã nêu, theo thỏa thuận với ông N, bị cáo đã bồi thường cho ông N 5.000.000đ, ông N cho biết không có yêu cầu gì thêm và làm đơn bãi nại, đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo (bl.67).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 08/2020/HS-ST ngày 20/02/2020 của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Thanh D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Trần Thanh D 09 (chín) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 29/9/2019 đến ngày 30/9/2019.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo và các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/02/2020 bị cáo Trần Thanh D có đơn kháng cáo với nội dung: Bị cáo là lao động chính trong gia đình, phải nuôi mẹ già, con nhỏ. Do vậy, đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Thanh D giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết kháng cáo như sau: Tòa án nhân dân Quận 6 xử phạt bị cáo 09 tháng tù là tương xứng với tính chất mức độ vi phạm và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng nên không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, là lao động chính trong gia đình, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nghề nghiệp và nơi cư trú ổn định. Vì các lý do đã nêu, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo, giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của kiểm sát viên và bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Trong quá trình điều tra, truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2]. Căn cứ lời khai của bị cáo, người liên quan, căn cứ vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác, có cơ sở để xác định:

Bị cáo Trần Thanh D là người được ông Hồ Quang N thuê sửa chữa căn nhà số 01 Bis đường H, Phường 6, Quận S, Thành phố M. Vào khoảng 07 giờ ngày 24/9/2019, trong lúc tháo dỡ tủ gỗ trong phòng của ông N ở lầu 3, D tình cờ phát hiện dưới gầm tủ có 01 túi xách, trong túi xách có một số ngoại tệ gồm 20 tờ tiền mệnh giá 100 đô la Mỹ, 01 tờ tiền mệnh giá 50 EURO, 01 tờ tiền mệnh giá 50 đô la Singapore, 02 tờ tiền mệnh giá 02 đô la Mỹ và 02 đĩa nhạc. Bị cáo nảy sinh lòng tham và đã lấy số ngoại tệ đã nêu và mang bán lại cho người khác với giá 45.000.000đ. D sử dụng 3.000.000đ trong số tiền đã nêu vào việc tiêu xài cá nhân và mua đồ chơi cho con, phần còn lại D gửi cho vợ và mẹ cất giữ.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo nhận thức được việc làm của mình là sai trái, bị luật pháp nghiêm cấm nhưng do động cơ tư lợi nên vẫn cố ý vi phạm. Đối chiếu với quy định của pháp luật, có đủ căn cứ kết luận bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo theo tội D, điều luật như đã vừa nêu là đúng pháp luật.

Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo tự nguyện khắc phục hậu quả; được người bị hại bãi nại và đề nghị miễn trách nhiệm hình sự; bị cáo thuộc thành phần lao động, là lao động chính trong gia đình (có 1 con nhỏ sinh năm 2014, vợ làm nội trợ);. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm b, i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là có căn cứ là đúng pháp luật.

[3]. Về kháng cáo của bị cáo:

Mức án 09 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ hình phạt mà bị cáo được hưởng. Do vậy, không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo phạm tội có tính cơ hội, nhất thời; có nhiều tình tiết giảm nhẹ; có nơi cư trú ổn định; mặt khác, sau khi phạm tội, bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho bị hại và được bị hại đề nghị miễn trách nhiệm hình sự, theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Bộ luật hình sự năm 2019; việc bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù là không cần thiết. Với các lý do đã nêu, cần sửa án sơ thẩm, cho bị cáo được hưởng án treo, tạo cơ hội cho bị cáo tự cải tạo.

[4]. Về án phí: Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận một phần nên bị cáo không phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

1. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 08/2020/HS-ST ngày 20/02/2020 của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 và 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Trần Thanh D 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho bị cáo được hưởng treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho UBND thị trấn BT, huyện PH, tỉnh H để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách; trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

2. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- VKSND Quận Quận 6; (1)
- PC53 - CATP; (1)
- Bị cáo; (1)
- Đương sự: (0)
- Chi Cục THA Quận Quận 6; (1)
- TAND Quận Quận 6; (2)
- Công an Quận Quận 6; (1)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: THS, hồ sơ, VT (22). (4)

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Công Huấn